| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày 17-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phan Việt Xô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Nguyễn Trường Hận.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần văn Thời tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 638/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1971 (có mặt)

Ông Trần Văn K, sinh năm 1972.

*Người đại diện theo uỷ quyền cho ông K:* Bà Trần Thị Ú, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Văn G trình bày: Trước đây không nhớ thời gian, ông có cho bà Trần Thị Ú cùng chồng là ông Trần Văn K mượn số tiền 90.000.000 đồng, không thoả thuận lãi; bà Ú và ông K có viết giấy mượn tiền không đề ngày, thoả thuận hạn trả đến ngày 20/01/2023 (âm lịch), trường hợp bà Ú và ông K không trả thì giao phần đất ngang 8m x dài 40m cho ông để trừ nợ; nhưng thực tế ông không có nhận đất từ bà Ú và ông K.

Ngày 20/8/2022 (âm lịch) ông tiếp tục cho bà Ú và ông K mượn số tiền 40.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/9/2022; bà Ú và ông K có làm giấy mượn tiền.

Sau khi nhận tiền bà Ú và ông K chưa trả. Nay, ông yêu cầu bà Ú và ông K trả số tiền cụ thể:

- Số tiền gốc 90.000.000 đồng; lãi 10.458.000 đồng [1,66%/tháng x 7 tháng (từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/8/2023)]. Tổng số tiền gốc và tiền lãi 100.458.000 đồng.

- Số tiền gốc 40.000.000 đồng, lãi 7.968.400 đồng [1,66%/tháng x 12 tháng (từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/8/2023, do có nhuần tháng 02/2023)]. Tổng số tiền gốc và tiền lãi 47.968.400 đồng.

Tổng số tiền ông yêu cầu đối với hai khoản trên là 148.426.400 đồng.

Bà Trần Thị Ú trình bày: Ngày 20/3/2022, vợ chồng bà có vay tiền từ ông G số tiền 60.000.000 đồng, lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/01/2023 (âm lịch), vợ chồng bà có ký tên vào giấy mượn tiền, theo đó thể hiện mượn số tiền 90.000.000 đồng và giao phần đất như ông G trình bày trường hợp không trả được nợ, thực tế bà không có giao đất cho ông G. Tại giấy mượn tiền trên không đúng ý chí của vợ chồng bà, do vợ chồng bà không đọc lại nội dung.

Ngày 20/8/2022 (âm lịch) vợ chồng bà có vay từ ông G số tiền 40.000.000 đồng, tính lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/9/2022, vợ chồng bà có viết giấy mượn tiền và ký tên.

Sau khi vay tiền, vợ chồng bà chưa trả. Vợ chồng bà thừa nhận còn nợ ông G tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và đồng ý trả. Bà yêu cầu ông G không tính lãi.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng pháp luật. Đương sự chấp hành đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G: Buộc bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông G tổng số tiền gồm gốc và lãi là 148.426.400 đồng; bà Ú và ông K chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại giấy mượn tiền lần thứ nhất thể hiện bà Ú và ông K mượn số tiền 90.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/01/2023; tại giấy mượn tiền lần thứ hai thể hiện bà Ú và ông K mượn số tiền 40.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/9/2022; bà Ú thừa nhận vợ chồng bà có ký tên vào hai giấy mượn tiền nêu trên. Bà Ú cho rằng khi ký tên vào giấy mượn tiền không có đọc lại nội dung, thực tế lần thứ nhất nợ 60.000.000 đồng và lần thứ hai nợ 40.000.000 đồng, lời trình bày của bà Ú chưa có căn cứ, bởi lẽ bà Ú và ông K có quyền xem lại nội dung

giấy mượn tiền khi ký tên và chịu trách nhiệm, bà Ú không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà.

Do đó, có căn cứ xác định bà Ú và ông K có nợ số tiền gốc 130.000.000 đồng (lần thứ nhất 90.000.000 đồng và lần thứ hai 40.000.000 đồng).

Ông G và bà Ú xác định thống nhất thời gian bắt đầu tính lãi đối với khoản nợ lần thứ nhất ngày 20/01/2023 và đối với khoản nợ lần thứ hai ngày 20/9/2022. Việc bà Ú yêu cầu không tính lãi, ông G không đồng ý; ông G yêu cầu tính lãi suất 20%/năm (=1,66/tháng, chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 20/8/2023) là đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật Dân sự, nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông G, buộc bà Ú và ông K trả số tiền 148.426.400 đồng, trong đó:

- Khoản nợ lần thứ nhất: 100.458.000 đồng [(số tiền gốc 90.000.000 đồng; lãi 10.458.000 đồng) (90.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 7 tháng)].

- Khoản nợ lần thứ hai: 47.968.400 đồng [(số tiền gốc 40.000.000 đồng; lãi 7.968.400 đồng) (40.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 12 tháng)].

[3] Không có việc chuyển giao đất, nên không xử lý.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng với nhận định của Toà án, nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: 148.426.400 đồng x 5% = 7.421.320 đồng.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn K. Buộc bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn K có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn G tổng số tiền 148.426.400 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Trần Thị Ú và ông Trần Văn K phải chịu 7.421.320 đồng. Số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn G đã nộp

4.011.000 đồng theo biên lai thu số 0007191 ngày 04/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Việt Xô**